



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 4290 – Fax: (84-8) 3914 2295

Website: www.ors.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 04 năm 2014

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Thông điệp của Hội đồng quản trị	2
Tổng quan	4
Tổ chức và nhân sự	9
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	12
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	15
Thông tin cổ đông	20
Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2013	21

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin gửi đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các cơ quan hữu quan, và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự hỗ trợ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Năm 2013 tiếp tục là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán trong nước nói riêng. Xu hướng vận động của thị trường cũng trở nên khó lường gây khó khăn không ít cho công tác phân tích và dự báo thị trường, và điều đó khiến cho hoạt động của đa số các công ty chứng khoán gặp nhiều bất lợi. Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã nỗ lực tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, cắt giảm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao hệ thống giao dịch nhằm tiến tới mục tiêu tăng trưởng bền vững. Đặc biệt, Hội đồng quản trị của ORS xác định sự minh bạch trong kinh doanh đã và sẽ là tiêu chí mà ORS đặt lên hàng đầu, duy trì sự lành mạnh về tài chính, giúp cho quá trình tái cơ cấu đạt được hiệu quả như mong muốn. Theo đó, trong năm 2013 ORS đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư, phải thu chậm thanh toán trước đây nhằm đảm bảo tính minh bạch theo luật định. Sau một năm dài nỗ lực tái cấu trúc, mặc dù kết quả vẫn còn khiêm tốn song hoạt động của ORS đang dần ổn định và bảo đảm cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

Bước sang năm 2014, nhận định nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và đang có những bước chuyển mình tích cực song với tốc độ chậm và vẫn còn nhiều thách thức. Chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán đồng thời cũng sẽ có những cơ hội mới và tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn trong năm 2014. Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị định hướng mục tiêu của ORS trong năm 2014 là phát triển theo chiều sâu, hướng đến việc định vị ba giá trị với khách hàng: Sự tin cậy cho khách hàng; Hiện đại trong các kênh phục vụ và Nhanh nhạy trong việc nắm bắt các cơ hội, thời cơ trong kinh doanh song song với duy trì định hướng đầu tư thận trọng và kiểm soát tốt rủi ro nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, ORS sẽ đẩy mạnh việc hiện đại hóa trong giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, nâng cao sự chuyên nghiệp, và tiết giảm được nhiều chi phí trong hoạt động. Với tỷ lệ giao dịch qua internet của ORS hiện nay chiếm khoảng 40%, chúng tôi kỳ vọng sẽ đẩy lên trên 60% trong năm nay và cao hơn nữa. Vì thế, ORS đã có sự đầu tư kỹ lưỡng về công nghệ, đường truyền với Hệ thống giao dịch trực tuyến (ORS Trade), để nhà đầu tư có thể tiến hành giao dịch mọi lúc, mọi nơi với tài khoản tiền gửi do ngân hàng quản lý trực tiếp (Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Đông Á). Ngoài ra, ORS cũng sẽ tập trung thay đổi thương hiệu, logo và cả giao diện mới của Công ty trong năm nay.



Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý khách hàng, các cơ quan hữu quan, Ban Tổng Giám Đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên ORS. Chúng tôi hy vọng thị trường chứng khoán sẽ có những chuyển biến tốt hơn để đáp ứng kỳ vọng của Quý Cổ đông.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM LINH



I. TỔNG QUAN

1. Thông tin chung

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**
- Tên tiếng Anh: **ORIENT SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **ORS**
- Logo của Công ty:



- Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3914 4290 Fax: (84-8) 3914 2295
- Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn
- Cơ sở pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - o Giấy CNĐKKD số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 28/12/2006.
 - o Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49//UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12 /2006.
 - o Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 53/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày 08/02/2007.
 - o Quyết định số 48/QĐ-TTGDHCM ngày 14/05/2007 của Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc công nhận thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - o Quyết định số 194/QĐ-TTGDHN ngày 15/08/2007 của Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội .
- Vốn điều lệ: **240.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)**
- Mã số thuế: 0304814339
- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
 - o Môi giới chứng khoán.
 - o Tự doanh chứng khoán.
 - o Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.
 - o Lưu ký chứng khoán.



2. Quá trình phát triển

2006-2013

2006

12/2006 Nhận Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 ngày 28/12/2006 do Sở KH&ĐT cấp Nhận Giấy phép hoạt động kinh doanh số 49/2UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do UBCKNN cấp

2007

02/2007 Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký chứng khoán
05/2007 Trở thành Thành viên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM và Hà Nội
09/2007 Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 120 tỷ đồng và thành lập Đại lý nhận lệnh Hà Nội
12/2007 Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng

2008

01/2008 Thành lập Chi nhánh Cần Thơ và Đại lý nhận lệnh TP. Biên Hòa
02/2008 Thành lập Phòng Giao dịch Tân Bình và đưa vào hoạt động dịch vụ giao dịch trực tuyến

2009

09/2009 Nâng cấp Phòng Giao dịch Tân Bình thành Chi nhánh Tân Bình

2010

01/2010 Thành lập Chi nhánh Đồng Biên tại TP. Biên Hòa
04/2010 Thành lập Chi nhánh Hà Nội
06/2010 Thành lập Phòng Giao dịch Thành Công
07/2010 Niêm yết cổ phiếu ORS tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
08/2010 Thành lập Chi nhánh Gia Định
10/2010 Đổi tên Phòng Giao dịch Thành Công thành Phòng Giao dịch Bến Thành
12/2010 Đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai

2011

07/2011 Chuyển Chi nhánh Gia Định về Hội sở
10/2011 Chuyển Chi nhánh Cần Thơ về Hội sở

2012

04/2012: Chuyển Chi nhánh Đồng Nai về Hội sở
08/2012: Chuyển Phòng Giao dịch Bến Thành về Hội sở

2013

01/2013: Chuyển Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Tân Bình về Hội sở
Thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng tinh gọn mạng lưới, cắt giảm chi phí hoạt động để ổn định bộ máy, vượt qua khó khăn, tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính

ORS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động trên các nghiệp vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư;
- Lưu ký chứng khoán.

Khách hàng của ORS rất đa dạng, bao gồm các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, tài chính - ngân hàng.

Kết quả hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu môi giới chứng khoán	6.001	4,64	1.941	9,57	1.834	19,83
2	Doanh thu đầu tư chứng khoán	7.133	5,51	4.714	23,23	2.643	28,59
3	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	604	0,47	-	-	-	
4	Doanh thu hoạt động tư vấn	772	0,60	656	3,24	522	5,65
5	Doanh thu lưu ký chứng khoán			204	1,01	462	5,00
6	Doanh thu khác	114.871	88,78	12.774	62,96	3.785	40,93
	<i>Trong đó: Doanh thu hoàn nhập dự phòng</i>	6.001	4,62	-	-	-	
	Tổng cộng	129.380	100	20.290	100	9.246	100

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của ORS)

Ghi chú: Trong năm 2011, khoản hoàn nhập dự phòng được ghi nhận là doanh thu khác. Tuy nhiên, trong năm 2012 và 2013, hoàn nhập dự phòng ghi nhận giảm chi phí, do vậy trong khoản mục Doanh thu khác không có khoản hoàn nhập dự phòng.

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

Là Công ty:

- trong 20 công ty chứng khoán có thị phần môi giới bán lẻ lớn nhất tại Việt Nam.
- có chất lượng tư vấn đầu tư tốt nhất tại Việt Nam.
- có sản phẩm phân tích có chất lượng cao và có uy tín trên thị trường.
- luôn đi tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm mới.

Tầm nhìn

Với định hướng đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi giới, từng bước xây dựng và phát triển hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp theo hướng ngân hàng đầu tư, các dịch vụ khác đóng vai trò hỗ trợ,

ORS sẽ phấn đấu nằm trong 20 công ty chứng khoán có thị phần giá trị giao dịch lớn nhất Việt Nam vào năm 2015.

Sứ mệnh

Thực hiện các dịch vụ tài chính và chứng khoán, trực tiếp tham gia đầu tư chứng khoán một cách hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, người lao động và phục vụ cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán.

- Đối với cổ đông: ORS nỗ lực thực hiện tốt các mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận mà ĐHCĐ đã đề ra, nâng cao vị thế của ORS trên thị trường nhằm gia tăng giá trị cổ phiếu của các cổ đông, thực hiện các chính sách phân phối lợi nhuận một cách hợp lý dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với khách hàng: ORS cung cấp các dịch vụ chứng khoán tốt nhất dựa trên chất lượng phục vụ chuyên nghiệp, nền tảng công nghệ hiện đại với nhiều tính năng thích hợp, tư vấn đầu tư hiệu quả và đặc biệt là sự gia tăng lợi ích thông qua việc cung cấp cho khách hàng những sản phẩm mới.
- Đối với người lao động: ORS cam kết tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo những lợi ích chính đáng của tập thể cán bộ nhân viên, gắn lợi ích của Công ty gắn với lợi ích của tập thể cán bộ nhân viên, thực hiện những chính sách thích hợp để phát triển nguồn nhân lực.

Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi của ORS được xây dựng dựa trên định hướng khách hàng, thực hiện cung cấp các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp và có chất lượng cao trên các nền tảng cơ bản sau:

- Định vị ba giá trị với khách hàng: Sự tin cậy cho khách hàng; Hiện đại trong các kênh phục vụ và Nhanh nhạy trong việc nắm bắt các cơ hội, thời cơ trong kinh doanh.
- Duy trì định hướng đầu tư thận trọng và kiểm soát tốt rủi ro nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.
- Đẩy mạnh việc hiện đại hóa trong giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, nâng cao sự chuyên nghiệp, tiết giảm chi phí trong hoạt động. Cụ thể với Hệ thống giao dịch trực tuyến (ORS Trade), nhà đầu tư có thể tiến hành giao dịch mọi lúc, mọi nơi với tài khoản tiền gửi do ngân hàng quản lý trực tiếp (áp dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng TMCP Đông Á).
- Thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động kinh doanh bao gồm Môi giới, Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, Phân tích và Đầu tư nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Hệ thống kiểm soát tuân thủ được thực hiện bài bản và có hệ thống nhằm kiểm soát tốt nhất các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Một số biện pháp để thực hiện mục tiêu

Tái cơ cấu nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá lại tình hình nhân sự trên phạm vi toàn Công ty dựa trên hiệu quả công việc, năng lực làm việc của nguồn nhân lực, đưa ra kế hoạch sắp xếp lại và tuyển dụng mới nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Xây dựng các chương trình tuyển dụng, đào tạo nhân sự cần bám sát định hướng phát triển dịch vụ môi giới chứng khoán của ORS. Tập trung phát triển các kỹ năng cần thiết như: chăm sóc khách hàng, thuyết phục khách hàng, tư vấn đầu tư, phân tích.

- Xây dựng các chính sách lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ hợp lý nhằm duy trì và phát triển nguồn nhân lực.

Giải pháp cơ sở hạ tầng và mạng lưới hoạt động

- Đầu tư trang thiết bị hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc thuận tiện cho cán bộ nhân viên, đảm bảo tiện nghi cho khách hàng khi tham gia giao dịch.
- Phát triển hệ thống thông tin, tin học hóa tối đa các công việc nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí đồng thời hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Giải pháp về tài chính

Khai thác triệt để các lợi thế sẵn có từ các cổ đông sáng lập, các cổ đông lớn; thiết lập và phát triển tốt mối quan hệ với các ngân hàng, các tổ chức tài chính nhằm đảm bảo khả năng huy động vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Giải pháp về đầu tư

Mảng đầu tư của Công ty được xem xét là một công cụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của ORS, vừa đảm bảo sinh lời, đồng thời hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, hoạt động Môi giới cùng phát triển. Điều này chỉ có thể thực hiện tốt khi thiết lập được quy trình phối hợp chặt chẽ giữa các mảng này, đồng thời phải có những nhân sự đủ tâm, đủ tầm để cùng thực hiện.

Giải pháp về phát triển sản phẩm

Thành lập Phòng Phát triển sản phẩm chuyên trách, được thiết lập dựa trên một số nhân sự nòng cốt có trình độ chuyên môn về nghiên cứu, phân tích xu hướng của thị trường, kinh nghiệm thực tiễn được chia thành 2 bộ phận:

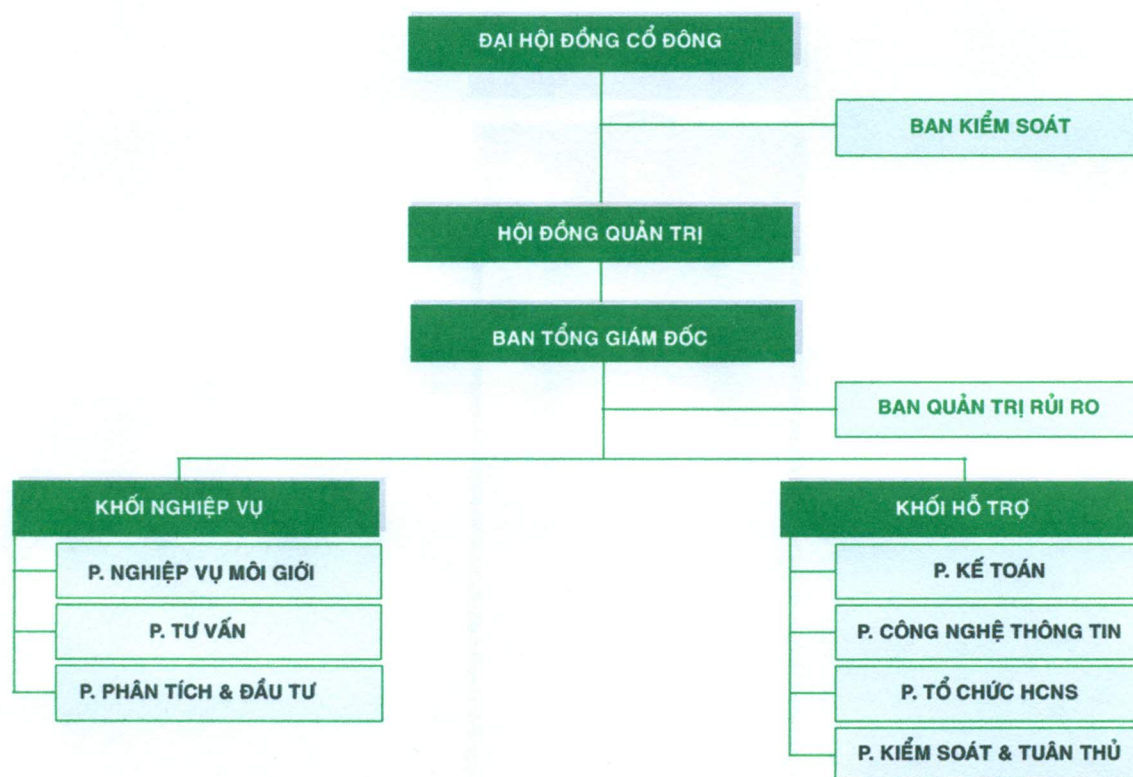
- Bộ phận nghiên cứu thị trường: Là bộ phận thường xuyên tiếp xúc với khách hàng, các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp nhằm tìm kiếm và phát triển những cơ hội mới, đề xuất, đánh giá và đưa ra nhu cầu phát triển sản phẩm.
- Bộ phận phát triển sản phẩm: Chịu trách nhiệm phân tích, đánh giá rủi ro và hoàn thiện sản phẩm mới, phối hợp với các phòng ban chức năng trong Công ty triển khai nhằm đưa sản phẩm ra ngoài thị trường.

Giải pháp về kiểm soát rủi ro

Vấn đề kiểm soát rủi ro cần được thực hiện một cách nghiêm túc, dựa trên các quy trình nghiệp vụ đã, đang và sẽ được ban hành. Công tác rà soát và kiểm soát rủi ro sẽ do Phòng Quản trị rủi ro đảm nhiệm, thực hiện định kỳ hoặc đột xuất, vừa đảm bảo việc kiểm soát tốt các hoạt động của Công ty vừa đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ORS.

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức



Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Linh – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Là tiến sĩ Quản trị Kinh doanh Trường ĐH Preston – USA. Ông đã có 4 năm trong vai trò là Tổng Giám Đốc - Công ty CP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) như: Giám Đốc VIB Nha Trang, Quận 2; Phó Giám Đốc - VIB Chi nhánh TP. HCM; Giám Đốc Kinh doanh khách hàng Doanh nghiệp - VIB Sài Gòn; Trưởng Bộ phận Quản lý Tín dụng Chi nhánh TP. HCM - Ngân hàng United Overseas Bank. Hiện Ông là Phó Tổng Giám Đốc - Ngân hàng TMC Phương Đông (OCB) và đồng thời tham gia HĐQT ORS với chức danh Chủ tịch HĐQT.

Ông Lâm Đạo Thảo – Thành viên thường trực HĐQT

Với 20 năm kinh nghiệm quản lý, Ông Lâm Đạo Thảo đã từng nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các doanh nghiệp như Phó Chủ tịch thứ nhất kiêm Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT - Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Phó Tổng Giám Đốc - Ngân hàng TMCP Nam Á, Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh thành viên thường trực HĐQT.

Ông Võ Quang Long – Thành viên thường trực HĐQT

Ông Võ Quang Long đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ ACB và Ngân hàng TMCP Phát triển nhà. Hiện tại, Ông Long đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh Thành viên thường trực HĐQT.

Ông Tê Trí Dũng – Thành viên HĐQT

Tốt nghiệp chương trình đào tạo 300 Tiến sĩ – Thạc sĩ của thành phố Hồ Chí Minh, Ông Tê Trí Dũng hiện nay đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Bến Thành. Đại diện Tổng Công ty Bến Thành, Ông Dũng tham gia HĐQT ORS với tư cách thành viên HĐQT.

Ông Tạ Phước Đạt – Thành viên HĐQT

Ông Tạ Phước Đạt đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Hiện nay Ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc - Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico). Ông Đạt đại diện cho Savico tham gia HĐQT ORS với chức danh Thành viên HĐQT.

Thay đổi thành viên HĐQT

Ngày 20/12/2013, Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Phương Đông đã thông qua nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐQT về việc chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT ORS của Ông Tê Trí Dũng theo nguyện vọng cá nhân.

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Phẩm – Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán Ông Nguyễn Văn Phẩm đã từng giữ vị trí Kế toán trưởng tại nhiều doanh nghiệp. Hiện nay Ông là Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Văn hóa Tổng hợp Bến Thành và đồng thời giữ vị trí thành viên Ban kiểm soát tại ORS.

Ông Phạm Đức Duy – Thành viên Ban kiểm soát

Ông Phạm Đức Duy tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Ông được bầu là thành viên Ban Kiểm soát - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông nhiệm kỳ II (2011- 2016) vào ngày 28/05/2013. Ông có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Hiện ông đang làm việc tại phòng Đầu tư của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

Thay đổi thành viên BKS

Bà Trần Thị Kim Ánh đã từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát ORS nhiệm kỳ 2011 – 2016 và không còn là thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ ngày 02/05/2013.

Ông Nguyễn Trát Minh Phương đã từ nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát ORS nhiệm kỳ 2011 - 2016 và không còn là thành viên Ban kiểm soát Công ty từ ngày 31/10/2013.

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Diệp Trí Minh – Quyền Tổng giám đốc

Ông Diệp Trí Minh được bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông từ ngày 21/08/2013. Tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Kinh tế Phát triển tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Ông Minh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán và giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán như: Giám đốc Phát triển kinh doanh – Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Tourist; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Phương Đông.

Ông Nguyễn Trát Minh Phương – Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trát Minh Phương tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Với 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, Ông được xem là người có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò Kế toán trưởng tại Công ty Phước Thịnh và Anpha T&M Express. Hiện Ông đang giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc ORS.

Thay đổi Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm 2013, ORS có sự thay đổi các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Ngày 06/02/2013, Ông Diệp Trí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc theo Quyết định số 07/2013/QĐ-HĐQT của HĐQT.
- Theo Quyết định số 11/2013/QĐ-HĐQT ngày 19/08/2013, HĐQT ORS đã quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Trần Xuân Nam.
- Ngày 19/08/2013, Ông Diệp Trí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Q.Tổng Giám đốc theo Quyết định số 12/2013/QĐ-HĐQT của HĐQT thay thế Ông Trần Xuân Nam.
- Ngày 29/10/2013, Ông Nguyễn Trát Minh Phương được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc theo Quyết định số 21/2013/QĐ-HĐQT của HĐQT.

2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2013 tổng số lao động của ORS là 30 người, với cơ cấu lao động như sau:

Cơ cấu lao động	SL lao động	Tỷ trọng
Tổng số lao động	30	100%
Trình độ lao động		
Đại học và trên đại học	20	67%
Cao đẳng, trung học, lao động phổ thông	10	33%
Giới tính		
Lao động nam	18	60%
Lao động nữ	12	40%
Độ tuổi		
Lao động trên 30 tuổi	24	80%
Lao động dưới 30 tuổi	06	20%

3. Chính sách đối với người lao động

Theo chính sách tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy chung trên toàn Công ty, trong năm 2013 ORS phải thực hiện tinh gọn bộ máy, cơ cấu tổ chức và nhân sự, song nhờ vào việc áp dụng chính sách nhân sự phù hợp mà Công ty vẫn duy trì được đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, có tâm huyết và cam kết gắn bó lâu dài đối với ORS.

Ngoài chế độ bảo hiểm, lương, thưởng phù hợp, ORS còn tạo một môi trường làm việc thân thiện, các hoạt động đội nhóm luôn được quan tâm, tổ chức đều đặn hàng năm để nâng cao tinh thần đoàn kết, kích thích tinh thần làm việc hăng say của toàn thể cán bộ công nhân viên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của ORS.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Những nét nổi bật về kết quả hoạt động năm 2013

Tình hình nhân sự của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2013, HĐQT của ORS đã miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Tê Trí Dũng theo đơn từ nhiệm của cá nhân từ ngày 20/12/2013.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của ORS như sau:

1. Ông Phạm Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Lâm Đạo Thảo – Thành viên (thường trực HĐQT)
3. Ông Võ Quang Long – Thành viên (thường trực HĐQT)
4. Ông Tạ Phước Đạt – Thành viên

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 19 phiên họp thường kỳ để xem xét và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, liên quan đến tổ chức quản trị và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành các nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau:

- Đóng cửa hoạt động các Chi nhánh Hà Nội và Tân Bình.
- Chọn Công ty kiểm toán Đất Việt là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013 của Công ty.
- Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.
- Bổ nhiệm các chức danh Quyền Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Quyết định thay đổi cơ cấu phòng ban và các quyết định về nhân sự khác.
- Ban hành các quy chế hoạt động: Quy chế đầu tư, Quy chế phòng chống rửa tiền, Quy chế tổ chức Hội đồng đầu tư 2013.
- Quyết định về việc chọn luật sư cho ORS trong vụ án Huyền Như.
- Thực hiện phối hợp với Ban kiểm soát để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật.
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của ORS được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị, cụ thể là từng thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động Công ty theo đúng định hướng phát triển do Đại hội đồng cổ đông giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của ORS.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% TH/KH
Doanh thu thuần	28.631	9.246	32.29%
Lợi nhuận trước thuế	2.798	(117.008)	-

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, trong tổng số 104 công ty chứng khoán đang hoạt động thì có đến 20 công ty chứng khoán thuộc diện phải tái cấu

trúc theo yêu cầu của UBCKNN và một số công ty đã phải rút nghiệp vụ môi giới. Trong bối cảnh đó, từ đầu năm Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành tập trung vào việc tái cơ cấu hoạt động theo hướng thu hẹp các hoạt động kém hiệu quả, đóng cửa các chi nhánh, phòng giao dịch, tiết giảm tối đa chi phí và hạn chế đầu tư để giảm thiểu rủi ro. Theo đó, Doanh thu thực hiện trong năm 2013 đạt giá trị khiêm tốn hơn 9,2 tỷ đồng, bằng 32,29% so với kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra. Đồng thời, trong năm Công ty cũng đã thực hiện đánh giá, phân tích rủi ro để trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư, chậm thanh toán phát sinh trước đây nhằm phù hợp với các quy định hiện hành dẫn đến Lợi nhuận trong năm âm 117 tỷ đồng.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Nhận định năm 2013 vẫn là năm nhiều khó khăn của thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị đã thực hiện triệt để việc chủ động tái cơ cấu tổ chức và hoạt động của ORS theo hướng sắp xếp lại bộ máy, tiết kiệm chi phí trong tất cả các hoạt động, tinh gọn mạng lưới hoạt động, đóng cửa các chi nhánh hoạt động không hiệu quả. Trải qua một năm dài tái cấu trúc và thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, song chiến lược được thực hiện đã từng bước phát huy tác dụng giúp ORS tiếp tục trụ vững trên thị trường trong bối cảnh khó khăn.

Đồng thời, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư, phải thu chậm thanh toán phát sinh trước đây, nhằm bảo đảm tính minh bạch theo luật định. Kết quả của quá trình đẩy mạnh tái cơ cấu là một mặt làm giảm chi phí, giảm các nguy cơ phát sinh rủi ro trong hoạt động của Công ty, mặt khác cũng tác động nhất định đến việc thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của ORS.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc mới cho ORS, cùng với Ban Điều hành Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh và đề ra mục tiêu chiến lược phát triển cho ORS trong những năm sắp tới.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Theo đánh giá của các chuyên gia, TTCK Việt Nam vẫn được coi là khá tiềm năng, tổng giá trị vốn hóa thị trường mới chiếm khoảng 20% GDP (khá nhỏ so với thị trường chứng khoán của các nước phát triển). Với mức tăng hơn 22% trong năm 2013, TTCK Việt Nam được xem là một trong những thị trường tăng trưởng tốt nhất tại Châu Á nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng. Các động thái của Chính phủ và cơ quan quản lý Nhà nước trong nỗ lực khôi phục lại nền kinh tế trong năm vừa qua đang dần phát huy tác dụng.

Bước vào năm 2014, nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng đã có với những khởi đầu tích cực mặc dù nhận định vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Tổng quan kinh tế trong nước đang có nhiều dấu hiệu tốt lên khi các gói giải pháp kinh tế của Chính phủ dần phát huy hiệu quả, cụ thể như: mặt bằng lãi suất được duy trì thấp, kiểm soát lạm phát tốt, tỷ giá ổn định, Chính phủ quyết liệt xử lý nợ xấu, tăng cường tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước cùng với các chính sách cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ doanh nghiệp, các gói tín dụng hỗ trợ thị trường bất động sản. Thêm vào đó, dòng vốn đầu tư nước ngoài FDI vẫn tiếp tục gia tăng trong năm cùng với khả năng gia nhập Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) trong tương lai gần là những yếu tố góp phần gia tăng lạc quan đối với sự hồi phục và tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Song song đó, TTCK trong năm 2014 cũng được dự báo khả quan hơn so với năm 2013 với nhiều giải pháp hỗ trợ tích cực như: gia tăng tỷ lệ nắm giữ cho nhà đầu tư nước ngoài,

ngiên cứu phát triển các sản phẩm mới như quỹ ETP (Exchange - Traded Fund) và sắp tới là sự ra đời của TTCK phái sinh.

Với những điểm mạnh và những điểm yếu từ tình hình nội tại của Công ty, kết hợp với những yếu tố thuận lợi và những thách thức đến từ môi trường kinh doanh, sau một năm dài tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy, năm 2014 sẽ là năm ORS sẽ tăng tốc phát triển theo hướng tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Đây sẽ được xem là những mảnh hoạt động xương sống trong chiến lược của ORS, các hoạt động khác của Công ty như: Hoạt động phân tích, tự doanh chứng khoán sẽ đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho hoạt động môi giới và hoạt động tư vấn phát triển.

5. Báo cáo Ban Kiểm soát

a) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2013 các thành viên Ban kiểm soát đã tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số hoạt động của Công ty như sau:

- Tham gia giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Bộ máy quản lý của Công ty để giám sát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua.
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHCĐ.
- Tham gia cùng với HĐQT và Ban Điều hành trong việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu 6 tháng, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013, báo cáo kiểm toán vốn khả dụng 6 tháng, báo cáo vốn khả dụng năm 2013 và báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo.
- Kiểm soát hoạt động: đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.
- Tham gia xây dựng lại Quy chế tài chính Công ty.

b) Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Trưởng ban	18/05/2011	31/10/2013
Bà Trần Thị Kim Ánh	Thành viên	18/05/2011	02/05/2013
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	18/05/2011	
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	28/05/2013	

c) Các giao dịch, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Giao dịch cổ phiếu nội bộ : không có
- Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành.
- Thù lao Ban kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định. Căn cứ vào nghị quyết ĐHCĐ năm 2013 thù lao Ban kiểm soát được duyệt như sau:

Thù lao	Kế hoạch (VND)	Thực hiện (VND)
Hội đồng quản trị	350.000.000	305.978.289
Ban kiểm soát	100.000.000	57.000.000

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh chung

Tại BCTC 2013 đã được kiểm toán ghi nhận tình hình hoạt động kinh doanh của ORS như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (giảm) so với 2012
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	20.289.670.245	9.245.914.697	- 54,43%
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.940.880.061	1.833.559.097	-5,53%
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn	4.713.897.527	2.643.163.873	-43,93%
- Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	656.439.727	522.272.725	-20,44%
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	203.970.523	462.449.497	126,72%
- Doanh thu khác	12.774.482.407	3.784.469.505	-70,37%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	627.097	55.584	-91,14%
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20.289.043.148	9.245.859.113	-54,43%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	(291.580.409)	47.139.478.477	-
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20.580.623.557	(37.893.619.364)	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.362.875.352	79.334.763.094	-289,60%
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	217.748.205	(117.228.382.458)	-
8. Thu nhập khác	150.110.931	723.032.394	381,67%
9. Chi phí khác	1.400.889	502.451.501	-
10. Lợi nhuận khác	148.710.042	220.580.893	48,33%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	366.458.247	(117.007.801.565)	-
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	366.458.247	(117.007.801.565)	-
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15,27	(4.875)	-

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, diễn biến thị trường chứng khoán trong nước không thuận lợi, năm 2013 ORS đã thận trọng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh được giao để đối phó với những diễn biến phức tạp của thị trường, tích cực hỗ trợ và tăng cường phát triển các dịch vụ và hoạt động mang lại hiệu quả cao, thu hẹp và hạn chế những hoạt động kém hiệu quả và có tính rủi ro cao nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc thua lỗ.

Kết thúc năm tài chính 2013, doanh thu thuần của ORS đạt khoảng 9,24 tỷ đồng, bằng 32,29% so với kế hoạch và giảm 54,43% so với thực hiện năm 2012. Nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh không đạt được kế hoạch đề ra là do chính sách thu hẹp hoạt động chung, tình hình nhân sự cấp cao của Công ty có nhiều thay đổi, hoạt động kinh doanh trong điều kiện thiếu ổn định. Hơn nữa điều kiện cạnh tranh trên thị trường cũng ngày càng trở nên khắc nghiệt hơn, đa số các mảng dịch vụ mang lại doanh thu chính của Công ty đều sụt giảm mạnh trong năm 2013, cụ thể: doanh thu môi giới giảm 5,53%, doanh thu hoạt động đầu tư góp vốn giảm 43,93%, doanh thu tư vấn giảm 20,44% và doanh thu khác giảm 70,37%. Đồng thời, trong năm Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư, phải thu chậm thanh toán phát sinh trước đây nhằm bảo đảm tính minh bạch theo luật định do đó kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2013 âm 117 tỷ đồng.

Tuy kết quả kinh doanh chưa đạt như kế hoạch mà cổ đông đã giao, nhưng Ban lãnh đạo Công ty cũng đánh giá cao những nỗ lực vượt qua khó khăn của toàn thể nhân viên trong Công ty. Đồng thời mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía Hội đồng quản trị cũng như sự tin tưởng của cổ đông trong thời gian tới vì mục tiêu phát triển lâu dài của ORS.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

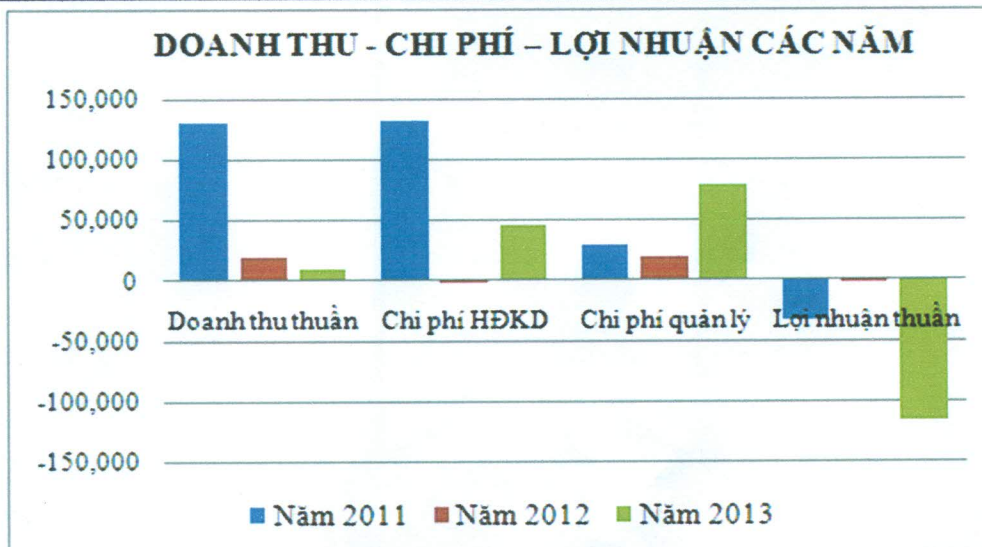
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% TH/KH
Doanh thu	28.631	9.246	32,29%
Lợi nhuận trước thuế	2.798	(117.008)	-

Kết quả kinh doanh trong 03 năm gần nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	129.375	20.289	9.246
Chi phí HĐKD	132.071	(291)	47.139
Chi phí quản lý	30.060	20.362	79.335
Lợi nhuận thuần	(32.653)	366	(117.228)



Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	13,88	9,73
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	86,12	90,27
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	71,76	85,27
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	28,24	14,73
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,91	0,92
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,39	1,17
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,05	-21,38
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	1,81	-1.265,52
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,19	-145,10

Giá trị sổ sách

Tính đến thời điểm 31/12/2013, Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty CP Chứng Khoán Phương Đông là: 3.360 đồng/cổ phần.

Những thay đổi về vốn góp trong năm

Trong năm 2013, Công ty không có sự thay đổi trong cơ cấu vốn cổ đông và cũng không phát hành trái phiếu, số cổ phiếu lưu hành vẫn giữ nguyên như đầu năm.

Danh mục	Đơn vị	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu thường	cổ phiếu	24,000,000	24,000,000
Số lượng cổ phiếu lưu hành	cổ phiếu	24,000,000	24,000,000
Cổ phiếu quỹ	cổ phiếu	0	0
Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	0	0
Trái phiếu	trái phiếu	0	0

Tình hình chi trả cổ tức trong năm

Trong năm tài chính 2013 do hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ nên ORS không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

3. Các hoạt động nghiệp vụ và những tiến bộ đạt được

Hoạt động môi giới

TTCK suy giảm về giá trị lẫn thanh khoản suốt hầu hết năm 2013 cùng với chính sách thu hẹp hoạt động chung nên kết quả hoạt động môi giới trong năm của ORS vì thế đã không đạt được kết quả như kỳ vọng. Mặc dù giảm về quy mô song với chiến lược đầu tư sâu vào chất lượng nhân sự, dịch vụ, hệ thống giao dịch đã giúp ORS thu hút và duy trì khách hàng. Cụ thể, năm 2013, doanh thu

môi giới toàn Công ty đạt hơn 1,83 tỷ đồng, bằng 94,47% so với năm 2012. Số lượng tài khoản khách hàng đến cuối năm 2013 đạt 9.196 tài khoản, tăng 1,5% so với cuối năm 2012.

Doanh thu môi giới toàn Công ty năm 2013 giảm so với 2012 do các nguyên nhân sau:

- Quá trình tái cấu trúc hoạt động của ORS, trong đó có việc đóng cửa chi nhánh, thu hẹp quy mô hoạt động.
- Công ty tiếp tục gặp nhiều bất lợi do các thông tin liên quan đến các vấn đề phát sinh từ các giai đoạn trước, mạng lưới hoạt động của ORS bị thu hẹp v/v... phần nào cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư, khách hàng khi mở tài khoản mới và giao dịch tại Công ty.
- Một số nhân sự môi giới nghỉ việc đã lôi kéo khách hàng cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu môi giới trong năm.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng của môi giới như: ứng trước tiền bán, hỗ trợ thanh toán của ORS cũng sụt giảm khi Công ty điều chỉnh chiến lược phát triển giảm nguồn vốn cho hoạt động này. Bên cạnh đó, Công ty cũng thu hẹp danh mục cổ phiếu hỗ trợ, thực hiện đúng theo các chính sách, hướng dẫn chỉ đạo thông tư của UBCKNN để giảm rủi ro phát sinh. Hoạt động này đã làm doanh số và thị phần môi giới của ORS cũng bị ảnh hưởng.

Hoạt động đầu tư

Chủ trương chung của Công ty trong năm 2013 là hạn chế đầu tư nhằm hạn chế rủi ro do đó trong năm Doanh thu đầu tư cũng có sự sụt giảm so với năm 2012.

Hoạt động tư vấn

Cũng như đa số các công ty chứng khoán có cùng quy mô trên thị trường, năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn của ORS. Thị trường chứng khoán không thuận lợi, dẫn đến nhu cầu tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết hầu như không phát sinh, một số hợp đồng đã ký kết nhưng tình hình kinh tế khó khăn nên khách hàng tạm ngưng thực hiện. Thêm vào đó, mức độ cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trên thị trường ngày càng gay gắt làm cho việc tiếp xúc và phát triển khách hàng mới là hết sức khó khăn.

Sự biến động về tình hình nhân sự của Phòng cũng ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, cụ thể, trong năm 2013, Phòng Tư vấn thường xuyên duy trì hoạt động trong điều kiện tinh gọn nhân sự. Chính sách chung của ORS trong năm này là duy trì hoạt động, hạn chế tối thiểu những hoạt động có thể phát sinh rủi ro cho Công ty. Điều này cũng ảnh hưởng nhất định tới kết quả doanh thu của hoạt động tư vấn. Một số nghiệp vụ bao gồm: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành của ORS vẫn chưa được phép thực hiện do chưa đáp ứng điều kiện theo quy định. Tuy nhiên, trên cơ sở các mối quan hệ đã được tạo lập và phát triển tốt với các khách hàng lớn, các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước như: Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp - DATC, Tổng Công ty Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 (Cienco 6), Tổng Công ty Rau quả Nông sản, ... đã tạo cơ hội để ORS tiếp cận và cung cấp dịch vụ cho hệ thống các công ty con, các công ty thành viên của các đơn vị này trong năm vừa qua. Doanh thu hoạt động tư vấn và đại lý phát hành năm 2013 đạt hơn 522 triệu đồng, chiếm hơn 5,65% so với tổng doanh thu toàn Công ty. Mặc dù có sự sụt giảm so với năm 2012 về giá trị (xấp xỉ 80% doanh thu tư vấn năm 2012 là 656 triệu đồng), song đây là kết quả tích cực trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn và so sánh tương quan với hoạt động tư vấn tài chính tại các công ty chứng khoán khác.

Các hoạt động khác

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, các hoạt động hỗ trợ của Công ty cũng được tập trung thực hiện trong năm 2013, cụ thể như sau:

a) Công tác nhân sự đào tạo

Trong năm 2013, ORS đã chủ động tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy để thích ứng với điều kiện kinh doanh ngày càng khó khăn. Theo đó, trong năm ORS đã linh động điều chỉnh mô hình kinh doanh theo hướng giảm dần quy mô, tập trung nguồn lực phát triển theo chiều sâu. Trong quá trình tái cơ cấu, ORS phải tinh gọn bộ máy, nhưng chủ trương của ORS là phải đa năng, đa nhiệm, một người có thể làm được nhiều việc khác nhau. Qua đó, Công ty có thể giảm chi phí song không mất đi các chức năng, công năng vốn có. Tính đến ngày 31/12/2013 tổng số nhân viên của ORS là 30 người, giảm 51% so với đầu năm.

Ngoài ra, ORS cũng tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên, cụ thể trong năm ORS đã chủ động phối hợp cùng với Công ty Luật ngân hàng – Chứng Khoán – Đầu tư BASICO mở lớp đào tạo kiến thức luật tổng quát cho các nhân sự tại ORS.

b) Phát triển công nghệ

Với tình hình kinh doanh rất khó khăn trong năm 2013 vừa qua, Công ty không thực hiện đầu tư hạ tầng hệ thống mà chỉ tập trung cho việc nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống phần mềm nội bộ. Các dự án đã triển khai:

- Phối hợp cùng phía đối tác tinh chỉnh và nâng cấp Hệ thống Giao Dịch Trực Tuyến để cung cấp thêm chức năng thu phí lưu ký chứng khoán, giúp Công ty giảm thất thoát tài chính so với các năm trước.
- Chỉnh sửa, nâng cấp website ORS với giao diện mới, đơn giản và chuyên nghiệp hóa nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, người duyệt web.
- Bổ sung thêm các báo cáo quản trị rủi ro về chứng khoán trên hệ thống OMIS làm giảm thiểu rủi ro về tài chính của Công ty ở mức thấp nhất.

c) Mạng lưới

Trong năm 2013, Công ty đã chủ động tiến hành thu hẹp mạng lưới chi nhánh nhằm cắt giảm chi phí, tinh gọn nhân sự, đóng cửa các điểm giao dịch không mang lại hiệu quả và tập trung phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ tại trụ sở chính. Hiện tại, toàn bộ hoạt động của ORS chỉ tập trung tại Hội sở chính 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Kế hoạch phát triển

Sau thời gian khó khăn kéo dài, bức tranh kinh tế vĩ mô đang có những dấu hiệu tích cực, tạo lực đẩy quan trọng hỗ trợ cho TTCK có sự tăng trưởng lạc quan trong năm 2014, song vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn và thử thách. Với nhận định trên, chiến lược phát triển của ORS vẫn sẽ mang yếu tố thận trọng để hạn chế mọi rủi ro có thể. Về hoạt động, ORS sẽ tập trung phát triển hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp, đây được xem là mảng hoạt động xương sống trong chiến lược phát triển của ORS. Cụ thể, trong năm 2014 và những năm sắp tới, ORS tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển ORS theo hướng là một công ty chứng khoán bán lẻ, tập trung hỗ trợ mạnh về vốn, hỗ trợ mạnh mảng tư vấn đầu tư phục vụ cho hoạt động môi giới phát triển nhằm mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty; từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ Tư vấn Tài chính doanh nghiệp theo hướng Ngân hàng đầu tư để có thể thực hiện các dự án có hàm lượng

chất xám cao, các các hoạt động khác của Công ty như: Hoạt động phân tích, tự doanh chứng khoán sẽ đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho hoạt động Môi giới và hoạt động Ngân hàng đầu tư phát triển.

V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán:

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Tỉ lệ nắm giữ
Ngân hàng TMCP Phương Đông	45 Lê Duẩn, Q. 1, TP. HCM	11%

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-CTCK

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		494.099.088.973	602.842.151.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		427.994.872.269	455.951.917.086
Tiền	111	V.1	427.994.872.269	455.951.917.086
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	1.141.060.957	1.967.886.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.449.913.512	2.918.017.889
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(308.852.555)	(950.131.289)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	64.837.029.747	144.803.623.481
1. Phải thu khách hàng	131		11.997.553.528	12.022.053.528
2. Trả trước cho người bán	132		3.140.000	22.300.280
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		13.549.190	225.450.008
4. Các khoản phải thu khác	135		137.336.428.008	148.372.730.942
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(84.513.640.979)	(15.838.911.277)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		126.126.000	118.724.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.000.000	84.724.730
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		120.126.000	34.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.227.964.375	97.147.380.640
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.132.411.698	4.907.795.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	78.078.430	558.602.992
Nguyên giá	222		6.385.461.379	8.094.179.954
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.307.382.949)	(7.535.576.962)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3.054.333.268	4.349.192.371
Nguyên giá	228		7.488.985.064	7.488.985.064
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.434.651.796)	(3.139.792.693)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	46.776.002.811	89.112.527.071
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		109.299.251.166	111.492.995.037
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		109.299.251.166	111.492.995.037
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(62.523.248.355)	(22.380.467.966)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.319.549.866	3.127.058.206
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	124.410.726	228.048.646
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.8	3.035.139.140	2.739.009.560
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9	160.000.000	160.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		547.327.053.348	699.989.532.537

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		466.685.357.435	502.340.035.059
I. Nợ ngắn hạn	310		466.685.357.435	502.340.035.059
1. Người mua trả tiền trước	313		148.625.000	268.375.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	214.823.607	40.680.889
3. Phải trả người lao động	315		5.345.641	222.513.352
4. Chi phí phải trả	316	V.11	97.698.714	122.422.099
5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.12	380.000.000.000	410.000.000.000
6. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.13	3.486.460.821	3.702.437.478
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234.118	234.118
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.14	82.732.169.534	87.983.372.123
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.641.695.913	197.649.497.478
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	80.641.695.913	197.649.497.478
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	420		(210.406.194.285)	(93.398.392.720)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		547.327.053.348	699.989.532.537

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán lưu ký			688.643.320.000	775.907.980.000
<i>Trong đó:</i>				
Chứng khoán giao dịch			541.505.960.000	557.276.430.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			9.203.620.000	11.753.750.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước			531.238.660.000	544.459.000.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			1.063.680.000	1.063.680.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			147.137.360.000	218.631.550.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký			-	152.314.230.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			147.137.360.000	66.317.320.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



PHẠM LINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

(Có so sánh số liệu với năm 2012)

MẪU B 02-CTCK
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		9.245.914.697	20.289.670.245
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.833.559.097	1.940.880.061
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2.643.163.873	4.713.897.527
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		522.272.725	656.439.727
- Doanh thu lưu ký chứng khoán			462.449.497	203.970.523
- Doanh thu khác	01.9		3.784.469.505	12.774.482.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.584	627.097
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VI.1	9.245.859.113	20.289.043.148
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	47.139.478.477	(291.580.409)
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(37.893.619.364)	20.580.623.557
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	79.334.763.094	20.362.875.352
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(117.228.382.458)	217.748.205
8. Thu nhập khác	31		723.032.394	150.110.931
9. Chi phí khác	32		502.451.501	1.400.889
10. Lợi nhuận khác	40		220.580.893	148.710.042
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(117.007.801.565)	366.458.247
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(117.007.801.565)	366.458.247
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(4.875)	15

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



PHẠM LÃNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 05-CTCK
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.15	240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	V.15	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	V.15	1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	V.15	(93.764.850.967)	(93.398.392.720)	366.458.247	-	-	117.007.801.565	(93.398.392.720)	(210.406.194.285)
TỔNG CỘNG		197.283.039.231	197.649.497.478	366.458.247			117.007.801.565	197.649.497.478	80.641.695.913



PHẠM LINH
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYÊN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

100

BÁO CÁO KIỂM TOÁN



Số: 0192/2014/BCTC-KTV

02 Huỳnh Khuong Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC

Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402

Email : vietland@vietlandaudit.com.vn

Website : www.vietlandaudit.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được lập ngày 29 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Trong số dư tiền gửi của Công ty tại các Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã bao gồm 380.000.000.000 VND là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.12). Hiện tại, số tiền này đã được Tòa án sơ thẩm thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của bà Huỳnh Thị Huyền Như theo Bản án số 46 ngày 27 tháng 01 năm 2014. Tuy nhiên, Công ty đã nộp hồ sơ kháng cáo lên tòa phúc thẩm Tào án Nhân dân tối cao để xét lại trách nhiệm bồi hoàn của Ngân hàng Công Thương Việt Nam đối với số tiền nêu trên. Vì vậy, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản tiền này. Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính khi có phán quyết của toà phúc thẩm.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THÈ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2013-037-1

QUẢN LÝ

BẢN GIẢI TRÌNH VỀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *05*/ORS-CV

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Về việc giải trình lưu ý của kiểm toán trong báo cáo tài chính năm 2013

**Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh**

Căn cứ Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, Quy định về chế độ báo cáo đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán

Theo Báo cáo tài chính năm 2013 (BCTC) đã kiểm toán và đã gửi Quý Cơ Quan, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) giải trình và thuyết minh điểm lưu ý của Kiểm toán trong báo cáo Tài Chính của Công ty, cụ thể như sau:

Trong số dư tiền gửi của Công ty tại các Ngân hàng ngày 31/12/2013 đã bao gồm 380 tỷ, là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettinbank) đã bị ngưng giao dịch. Số tiền này Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) chuyển cho ORS để ORS thực hiện các hợp đồng môi giới chứng khoán và các hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn. Đồng thời, theo sự chỉ định của TPB, ORS đã gửi tiền thông qua các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Công Thương Chi nhánh TP.HCM. Hiện tại, số tiền này đã được Tòa án sơ thẩm thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của bà Huỳnh Thị Huyền Như theo Bản án số 46 ngày 27 tháng 01 năm 2014. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, Công ty đã nộp hồ sơ kháng cáo đối với vụ án liên quan đến phần lưu ý đã nêu. Việc này có thể làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính khi có phán quyết của toà phúc thẩm. Do đó chúng tôi không thực hiện hạch toán khoản lãi phải trả cho TPB tương ứng khoản nợ phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán đồng thời cũng không hạch toán khoản thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tương ứng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Viettinbank. Về bản chất chúng tôi chỉ làm trung gian môi giới cho TPB và hưởng phí hoa hồng. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ môi giới, chúng tôi chỉ tạm tính khoản lãi phải trả cho TPB và lãi được nhận từ Viettinbank vào tài khoản trung gian, sau khi hoàn thành nghiệp vụ môi giới ORS sẽ được hưởng khoản phí như quy định của TPB và hạch toán doanh thu do đó việc ghi nhận lãi cho khoản phải trả này không ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty chúng tôi.

Trên đây là giải trình về Ý kiến của kiểm toán trong Báo cáo tài chính năm 2013. Chúng tôi hy vọng Quý Cơ Quan xem xét và tạo điều kiện để ORS tồn tại và phát triển trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM LINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 30 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2012: 51 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 7 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
TSCĐ khác	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,.. vào sử dụng. Các phần mềm được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

10. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lũy kế là số lũy từ hoạt động kinh doanh động của Công ty lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	3.268.191	2.559.719
Tiền mặt	3.268.191	2.559.719
(b) Tiền gửi ngân hàng	427.991.604.078	455.949.357.367
Tiền gửi của Công ty (*)	414.696.155.724	439.175.030.944
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	<u>13.295.448.354</u>	<u>16.774.326.423</u>
Cộng	<u>427.994.872.269</u>	<u>455.951.917.086</u>

(*) Trong số tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 380.000.000.000 VND, số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.12). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	<u>Khối lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Của Công ty chứng khoán	915.950	7.637.260.000
Cổ phiếu	915.950	7.637.260.000
Của nhà đầu tư	114.954.877	1.199.195.046.700
Cổ phiếu	<u>114.954.877</u>	<u>1.199.195.046.700</u>
Cộng	<u>115.870.827</u>	<u>1.206.832.306.700</u>



3. Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	121.368	234.867	1.449.913.512	2.918.017.889	(308.852.555)	(950.131.289)	1.141.060.957	1.967.886.600
Chứng khoán đầu tư	4.521.198	4.716.200	109.299.251.166	111.492.995.037	(62.523.248.355)	(22.380.467.966)	46.776.002.811	89.112.527.071
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.521.198	4.716.200	109.299.251.166	111.492.995.037	(62.523.248.355)	(22.380.467.966)	46.776.002.811	89.112.527.071
Cộng (*)	4.642.566	4.951.067	110.749.164.678	114.411.012.926	(62.832.100.910)	(23.330.599.255)	47.917.063.768	91.080.413.671

(*) Chi tiết chứng khoán giảm giá (xem phụ lục số 01)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập	
		Tổng số	Số quá hạn	Số dự phòng	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn		Số khó đòi
1	Phải thu khách hàng	12.022.053.528	-	-	1.399.659.210	1.409.477.200	11.997.553.528	11.997.553.528	-	(11.997.553.528)
2	Trả trước cho người bán	22.300.280	-	-	5.076.165.480	5.095.325.760	3.140.000	-	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	225.450.008	-	-	2.902.122.309	3.114.023.127	13.549.190	-	-	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>225.450.008</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.902.122.309</i>	<i>3.114.023.127</i>	<i>13.549.190</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	305.027.303	305.027.303	-	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác (*)	148.372.730.942	46.433.635.948	(15.838.911.277)	297.886.179.916	309.006.368.587	137.336.428.008	72.516.087.451	-	(72.516.087.451)
	Cộng	160.642.534.758	46.433.635.948	(15.838.911.277)	307.638.357.945	318.930.221.977	149.350.670.726	84.513.640.979	-	(84.513.640.979)

(*) Chi tiết phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các tổ chức	77.689.059.114	77.781.392.447
Phải thu cá nhân	59.515.988.128	70.377.972.169
Phải thu khác	131.380.766	213.366.326
Cộng	137.336.428.008	148.372.730.942



5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	66.260.000	6.839.984.318	1.158.247.636	29.688.000	8.094.179.954
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm		945.606.575	733.424.000	29.688.000	1.708.718.575
4. Số cuối năm	66.260.000	5.894.377.743	424.823.636	-	6.385.461.379
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	66.260.000	6.700.043.599	739.585.363	29.688.000	7.535.576.962
2. Tăng trong năm		124.985.901	120.842.808	-	245.828.709
3. Giảm trong năm		933.484.534	510.850.188	29.688.000	1.474.022.722
4. Số cuối năm	66.260.000	5.891.544.966	349.577.983	-	6.307.382.949
III. Giá Trị còn lại					
1. Số đầu năm	-	139.940.719	418.662.273	-	558.602.992
2. Số cuối năm	-	2.832.777	75.245.653	-	78.078.430
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	66.260.000	5.461.190.286	-	29.688.000	5.557.138.286
2. Số cuối năm	66.260.000	6.124.989.653	-	-	6.191.249.653

6. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm giao dịch, kế toán
I. Nguyên Giá	
1. Số đầu năm	7.488.985.064
2. Tăng trong năm	-
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	7.488.985.064
II. Giá trị hao mòn	
1. Số đầu năm	3.139.792.693
2. Tăng trong năm	1.294.859.103
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	4.434.651.796
III. Giá Trị còn lại	
1. Số đầu năm	4.349.192.371
2. Số cuối năm	3.054.333.268
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	
1. Số đầu năm	30.000.000
2. Số cuối năm	1.014.689.550

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	37.705.216	24.972.150	35.980.003	26.697.363
Chi phí khác	190.343.430	-	92.630.067	97.713.363
Cộng	228.048.646	24.972.150	128.610.070	124.410.726

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung trong năm	2.619.009.560	2.405.654.663
Tiền lãi phân bổ trong năm	296.129.580	213.354.897
Số cuối năm	3.035.139.140	2.739.009.560

9. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà	160.000.000	160.000.000
Cộng	160.000.000	160.000.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng nội địa	4.273.000	346.047.382	337.838.563	12.481.819
2	Các loại thuế khác	36.407.889	829.720.101	663.786.202	202.341.788
	- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	36.407.889	824.720.101	658.786.202	202.341.788
	Cộng	40.680.889	1.175.767.483	1.001.624.765	214.823.607

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các khoản thuế theo qui định hiện hành.

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí lưu kí, giao dịch phải trả ủy ban	66.326.986	53.003.663
Chi phí khác	31.371.728	69.418.436
Cộng	97.698.714	122.422.099

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả tổ chức, cá nhân khác	380.000.000.000	410.000.000.000
Cộng	380.000.000.000	410.000.000.000

Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương đang bị tạm ngừng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Phải trả hộ cổ tức

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.467.048.321	3.682.924.978
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.412.500	19.512.500
Cộng	3.486.460.821	3.702.437.478

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Bảo hiểm xã hội</i>	-	5.308.474
<i>Bảo hiểm y tế</i>	-	-
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	230.000	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	62.950.348.180	62.586.477.226
Phải trả lãi vay vốn	11.094.978.107	11.094.978.107
Phải trả vốn cho các Công ty	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.855.370.073	1.491.499.119
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	13 295 448 354	16 774 326 423
<i>Phong tỏa ký quỹ mua chứng khoán của nhà đầu tư</i>	6 486 143 000	8 617 260 000
Cộng	82.732.169.534	87.983.372.123

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Cộng
Số đầu năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(93.398.392.720)	197.649.497.478
Lỗ trong năm	-	-	-	(117.007.801.565)	(117.007.801.565)
Số cuối năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(210.406.194.285)	80.641.695.913

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000

- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.833.559.097	1.940.880.061
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.643.163.873	4.713.897.527
Doanh thu lưu ký chứng khoán	462.449.497	203.970.523
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	522.272.725	656.439.727
Doanh thu khác	3.784.469.505	12.774.482.407
Tổng doanh thu	9.245.914.697	20.289.670.245
Khoản giảm trừ doanh thu	(55.584)	(627.097)
Doanh thu thuần	9.245.859.113	20.289.043.148

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.172.795.450	3.962.109.476
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.946.743.026	7.345.625.702
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	-	21.818.182
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	423.531.734	541.353.604
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	39.501.501.655	(12.758.697.055)
Chi phí khác	94.906.612	596.209.682
Cộng	47.139.478.477	(291.580.409)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.068.701.766	5.526.621.300
Chi phí vật liệu quản lý	27.328.493	47.818.328
Chi phí đồ dùng văn phòng	200.133.262	692.312.527
Chi phí khấu hao	1.540.654.291	2.000.230.900
Thuế, phí và lệ phí	6.404.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	68.674.729.702	5.463.578.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.170.452.909	5.740.300.157
Chi phí bằng tiền khác	646.358.671	886.013.465
Cộng	79.334.763.094	20.362.875.352

4. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(117.007.801.565)	366.458.247
Điều chỉnh:	-	1.400.889
Cộng: Chi phí không tính thuế	-	1.400.889
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
<i>Trừ lỗ lũy kế năm trước chuyển sang</i>	-	(367.859.136)
Tổng thu nhập chịu thuế	(117.007.801.565)	-
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế	(117.007.801.565)	366.458.247
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(117.007.801.565)	366.458.247
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.875)	15

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	<u>13.295.448.354</u>	<u>16.774.326.423</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Ban quản lý điều hành của Công ty trong năm như sau:

Lương, thưởng	745.190.557	1.245.505.775
---------------	-------------	---------------

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

13/01/2014

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	427.994.872.269	455.951.917.086	-	-	427.994.872.269	455.951.917.086
Đầu tư ngắn hạn	1.449.913.512	2.918.017.889	(308.852.555)	(950.131.289)	1.141.060.957	1.967.886.600
Phải thu khách hàng	11.997.553.528	12.022.053.528	(11.997.553.528)	-	-	12.022.053.528
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	13.549.190	225.450.008	-	-	13.549.190	225.450.008
Các khoản phải thu khác	137.336.428.008	148.372.730.942	(72.516.087.451)	(15.838.911.277)	64.820.340.557	132.533.819.665
Đầu tư dài hạn	109.299.251.166	111.492.995.037	(62.523.248.355)	(22.380.467.966)	46.776.002.811	89.112.527.071
Các khoản ký quỹ dài hạn	160.000.000	160.000.000	-	-	160.000.000	160.000.000
Cộng	688.251.567.673	731.143.164.490	(147.345.741.889)	(39.169.510.532)	540.905.825.784	691.973.653.958
Nợ phải trả tài chính						
Chi phí phải trả	97.698.714	122.422.099	-	-	97.698.714	122.422.099
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.000.000	410.000.000.000	-	-	380.000.000.000	410.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.486.460.821	3.702.437.478	-	-	3.486.460.821	3.702.437.478
Các khoản phải trả khác	82.726.861.060	87.978.063.649	-	-	82.726.861.060	87.978.063.649
Cộng	466.311.020.595	501.802.923.226	-	-	466.311.020.595	501.802.923.226

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán,...), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán,...).

Do ảnh hưởng của thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty đã giảm đáng kể trong 2 năm gần đây, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm các khoản phải thu khác, tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Các khoản phải thu khác

Công ty cho các tổ chức, cá nhân vay/ mượn tiền mua chứng khoán.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty có các khoản phải thu liên quan đến các khoản cho vay vay/ mượn này bao gồm các khoản lãi có liên quan. Công ty thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, đồng thời tiến hành trích lập dự phòng những khoản phải thu khó đòi tại cuối kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.1, Công ty có rủi ro tín dụng liên quan đến khoản tiền gửi 380.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.12). Hiện tại, số tiền này đã được Tòa án sơ thẩm thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của bà Huỳnh Thị Huyền Như theo Bản án số 46 ngày 27 tháng 01 năm 2014. Tuy nhiên, Công ty đã nộp hồ sơ kháng cáo lên tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao để xét lại trách nhiệm bồi hoàn của Ngân hàng Công Thương Việt Nam đối với số tiền nêu trên

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Chi phí phải trả	97.698.714	-	-	97.698.714
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.486.460.821	-	-	3.486.460.821
Các khoản phải trả khác	82.726.861.060	-	-	82.726.861.060
Cộng	466.311.020.595	-	-	466.311.020.595
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	427.994.872.269	-	-	427.994.872.269
Đầu tư ngắn hạn	1.141.060.957	-	-	1.141.060.957
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	13.549.190	-	-	13.549.190
Các khoản phải thu	64.820.340.557	-	-	64.820.340.557

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
khác				
Đầu tư dài hạn	-	46.776.002.811	-	46.776.002.811
Ký quỹ dài hạn	-	160.000.000	-	160.000.000
Cộng	493.969.822.973	46.936.002.811	-	540.905.825.784
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối năm	27.658.802.378	46.936.002.811	-	74.594.805.189
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Chi phí phải trả	122.422.099	-	-	122.422.099
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	410.000.000.000	-	-	410.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.702.437.478	-	-	3.702.437.478
Các khoản phải trả khác	87.978.063.649	-	-	87.978.063.649
Cộng	501.802.923.226	-	-	501.802.923.226
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	455.951.917.086	-	-	455.951.917.086
Đầu tư ngắn hạn	1.967.886.600	-	-	1.967.886.600
Phải thu khách hàng	12.022.053.528	-	-	12.022.053.528
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	225.450.008	-	-	225.450.008
Các khoản phải thu khác	132.533.819.665	-	-	132.533.819.665
Đầu tư dài hạn	-	89.112.527.071	-	89.112.527.071
Ký quỹ dài hạn	-	160.000.000	-	160.000.000
Cộng	602.701.126.887	89.272.527.071	-	691.973.653.958
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu năm	100.898.203.661	89.272.527.071	-	190.170.730.732

Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi khoản tiền gửi ngân hàng được trình bày ở mục “rủi ro tín dụng”. Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2014



PHẠM LINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu